

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Đ71.112

8/4

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22XYHA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08/04/2024

Phòng thi: Đ71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	115322001	Lê Văn An	24/03/2004	Nữ	9,3	6,3	7,8	001	<u>[Chữ ký]</u>		
2	115322002	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	22/10/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8	002	<u>[Chữ ký]</u>		
3	115322003	Lâm Gia Bảo	25/08/2004	Nam	9,3	4,5	6,9	003	<u>[Chữ ký]</u>		
4	115322005	Mạc Cường	02/10/2004	Nam	9,3	8,0	8,7	004	<u>[Chữ ký]</u>		
5	115322006	Trần Hải Đăng	05/04/2004	Nam	9,0	6,3	7,7	005	<u>[Chữ ký]</u>		
6	115322007	Trương Nhật Đình	17/10/2004	Nam	9,5	7,3	8,4	006	<u>[Chữ ký]</u>		
7	115322009	Nguyễn Tấn Dũng	11/06/2004	Nam	9,3				<u>[Chữ ký]</u>		
8	115322011	Tô Thị Ngọc Lài	18/04/2004	Nữ	9,8	5,5	7,7	008	<u>[Chữ ký]</u>		
9	115322013	Hồ Thái Minh	09/10/2004	Nam	9,5	7,3	8,4	009	<u>[Chữ ký]</u>		
10	115322014	Lê Quang Minh	31/03/2003	Nam	9,5	5,8	7,7	010	<u>[Chữ ký]</u>		
11	115322017	Dương Thị Bảo Ngân	01/03/2004	Nữ	9,5	8,0	8,8	011	<u>[Chữ ký]</u>		
12	115322018	Lê Trọng Nghĩa	29/10/2004	Nam	9,8	5,0	7,4	012	<u>[Chữ ký]</u>		
13	115322019	Võ Thị Phương Nhi	25/12/2004	Nữ	9,5	7,8	8,7	013	<u>[Chữ ký]</u>		
14	115322020	Lê Thị Yến Như	21/12/2004	Nữ	9,5	7,5	8,5	014	<u>[Chữ ký]</u>		
15	115322021	Lê Hồng Phúc	26/01/2004	Nam	9,5	7,8	8,7	015	<u>[Chữ ký]</u>		
16	115322022	Nguyễn Thiên Phước	18/08/2004	Nam	9,5	6,8	8,2	016	<u>[Chữ ký]</u>		
17	115322023	Nguyễn Lê Kiều Phương	09/12/2004	Nữ	9,8	6,5	8,2	017	<u>[Chữ ký]</u>		
18	115322024	Nguyễn Hùng Quang	15/06/2004	Nam	9,8	6,3	8,1	018	<u>[Chữ ký]</u>		
19	115322026	Bùi Nhật Minh Tấn	03/10/2003	Nam	9,5	7,3	8,4	019	<u>[Chữ ký]</u>		
20	115322027	Phạm Thị Hồng Thi	18/12/2004	Nữ	9,5	6,8	8,2	020	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 2: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 3: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 4: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 5: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 6: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 7: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 8: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 9: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 10: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 11: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 12: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 13: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 14: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 15: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 16: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 17: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 18: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 19: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 20: [Chữ ký]

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 08 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

D71.113

814

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22XYHA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 1 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	115322028	Hà Thị Kiều Tiên	15/03/2003	Nữ	9,5	7,5	8,5	004	<u>Tu</u>		
2	115322031	Nguyễn Ngân Tuyền	12/05/2004	Nam	9,5	7,0	8,3	005	<u>Ch</u>		
3	115322033	Nguyễn Ngọc Ái	05/01/2004	Nam	9,5	5,5	7,5	006	<u>V</u>		
4	115322034	Trần Thị Thuận An	29/07/2004	Nữ	9,3	5,0	7,2	007	<u>A</u>		
5	115322037	Nguyễn Thị Ngọc Châu	02/01/2004	Nữ	9,3	7,3	8,3	008	<u>Ch</u>		
6	115322039	Trần Thị Hoa Đào	21/12/2004	Nữ	9,3	6,3	7,8	009	<u>Ch</u>		
7	115322040	Nguyễn Đặng Gia Hân	27/10/2004	Nữ	9,0	5,8	7,4	010	<u>H</u>		
8	115322041	Nguyễn Hồng Mỹ Hạnh	30/06/2004	Nữ	9,5	5,0	7,3	011	<u>h</u>		
9	115322042	Nguyễn Lê Nhật Hào	18/02/2004	Nam	9,3	6,8	8,1	012	<u>Ch</u>		
10	115322044	Sơn Thị Ánh Hồng	28/06/2004	Nữ	9,3	7,0	8,2	013	<u>h</u>		
11	115322065	Hà Mỹ Quyên	25/05/2004	Nữ	9,3	6,5	7,9	014	<u>Ch</u>		
12	115322077	Thạch Minh Thuận	19/03/2003	Nam	9,5	5,5	7,5	015	<u>Th</u>		
13	115322079	Trần Minh Thy	14/08/2004	Nữ	9,3	7,5	8,4	016	<u>Ch</u>		
14	115322082	Đoàn Kiên Thị Tuyết Trinh	21/09/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8	017	<u>Tr</u>		
15	115322090	H Ngâm Arul	26/11/2003	Nữ	9,5	6,8	8,2	018	<u>Ch</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15

Tổng số tờ: 15

Cán bộ coi thi: Đinh Thị Anh Duyên

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

D71 108

814

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22YKE

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08/11/2024

Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116022001	Trần Chí Anh	01/08/2004	Nam	9,5	8,5	9,0	001	<u>anh</u>		
2	116022002	Trần Bảo Trân	08/02/2004	Nữ	9,5	6,5	8,0	002	<u>trần</u>		
3	116022195	Phạm Nhật Thy	03/12/2003	Nữ	9,5	7,5	8,5	003	<u>thy</u>		
4	116022196	Bùi Mỹ Tiên	06/10/2004	Nữ	9,3	7,0	8,2	004	<u>tiên</u>		
5	116022198	Võ Thị Ngọc Trâm	11/03/2003	Nữ	9,5	7,5	8,5	005	<u>trâm</u>		
6	116022199	Kim Tú Trân	31/10/2004	Nữ	9,5	6,8	8,2	006	<u>trân</u>		
7	116022200	Huỳnh Trần Thiên Trang	15/11/2002	Nữ	9,5	7,3	8,4	007	<u>trang</u>		
8	116022201	Thạch Nguyễn Thùy Trang	09/11/2004	Nữ	9,5	7,8	8,7	008	<u>thùy</u>		
9	116022202	Trần Thị Thùy Trang	03/01/2003	Nữ	9,3	6,8	8,1	009	<u>trần</u>		
10	116022203	Bùi Minh Triết	25/07/2004	Nam	9,5	6,5	8,0	010	<u>minh</u>		
11	116022204	Ngô Minh Triết	08/08/2004	Nam	9,8	7,5	8,7	011	<u>ngô</u>		
12	116022205	Phạm Phương Mỹ Trinh	08/01/2003	Nữ	9,0	5,8	7,4	012	<u>phạm</u>		
13	116022206	Phạm Phương Tuyết Trinh	08/01/2003	Nữ	9,0	6,8	7,9	013	<u>phạm</u>		
14	116022207	Võ Thị Thu Trinh	23/05/2004	Nữ	9,5	8,3	8,9	014	<u>thu</u>		
15	116022208	Lê Thị Ngọc Trúc	05/02/2004	Nữ	9,5	7,0	8,3	015	<u>lê</u>		
16	116022209	Nguyễn Trần Minh Trung	27/02/2003	Nam	9,3	7,5	8,4	016	<u>nguyễn</u>		
17	116022210	Trần Minh Trường	28/03/2004	Nam	9,3	6,8	8,1	017	<u>trần</u>		
18	116022211	Huỳnh Thanh Truyền	20/03/2003	Nam	9,5	7,0	8,3	018	<u>huỳnh</u>		
19	116022212	Hồ Cẩm Tú	14/02/2004	Nữ	9,3	6,5	7,9	019	<u>hồ</u>		
20	116022213	Phan Minh Tú	11/02/1999	Nam	9,5	6,3	7,9	020	<u>phan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Chánh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

D71-109

8/4

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22YKE

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Thức nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 04 / 2024

Phòng thi: D71-109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116022214	Phạm Thị Cẩm Tú	08/12/2004	Nữ	9,3	7,5	8,4	001	<u>Cẩm Tú</u>		9,3
2	116022215	Phạm Khắc Tuấn	15/11/2004	Nam	9,3	6,3	7,8	002	<u>Phạm Khắc Tuấn</u>		
3	116022216	Lê Nguyễn Anh Tuấn	17/08/2004	Nam	9,5	6,5	8,0	003	<u>Anh Tuấn</u>		
4	116022217	Nguyễn Mai Quốc Tuấn	21/09/2004	Nam	9,8	7,8	8,8	004	<u>Quốc Tuấn</u>		
5	116022218	Vương Hoàng Tùng	22/01/2004	Nam	9,3	7,5	8,4	005	<u>Tùng</u>		
6	116022219	La Sĩ Cát Tường	24/12/2004	Nữ	9,5	7,3	8,4	006	<u>Tường</u>		
7	116022220	Lý Khánh Tường	14/01/2003	Nữ	9,5	7,5	8,5	007	<u>Khánh Tường</u>		
8	116022221	Kim Thị Bích Tuyền	27/05/2004	Nữ	9,5	8,0	8,8	008	<u>Bích Tuyền</u>		
9	116022222	Nguyễn Thanh Tuyền	27/10/2004	Nữ	9,5	7,5	8,5	009	<u>Thanh Tuyền</u>		
10	116022223	Lý Thanh Tuyền	25/10/2004	Nữ	9,5	7,3	8,4	010	<u>Thanh Tuyền</u>		
11	116022226	Lê Trâm Uyên	16/12/2004	Nữ	9,3	7,8	8,6	011	<u>Trâm Uyên</u>		9,3
12	116022227	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	20/04/2004	Nữ	9,3	8,5	8,9	012	<u>Phương Uyên</u>		
13	116022228	Nguyễn Phương Uyên	30/10/2003	Nữ	9,5	7,8	8,7	013	<u>Phương Uyên</u>		
14	116022229	Nguyễn Võ Hoàng Uyên	24/08/2004	Nữ	9,3	8,0	8,7	014	<u>Hoàng Uyên</u>		
15	116022230	Huỳnh Yến Vân	16/09/2004	Nữ	9,8	8,0	8,9	015	<u>Yến Vân</u>		
16	116022231	Trần Hiếu Văn	26/03/2004	Nam	9,8	7,0	8,7	016	<u>Hiếu Văn</u>		
17	116022232	Thái Đức Không Vi	13/10/2004	Nữ	9,5	7,8	8,7	017	<u>Đức Không Vi</u>		
18	116022233	Dương Công Vinh	20/02/2004	Nam	9,5	7,8	8,7	018	<u>Công Vinh</u>		
19	116022234	Lê Quang Vinh	16/12/2002	Nam	9,8	7,5	8,7	019	<u>Quang Vinh</u>		
20	116022235	Lê Văn Võ	23/09/2004	Nam	9,8	6,3	8,1	020	<u>Văn Võ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20...

Tổng số tờ: ✓

Cán bộ coi thi 1: La Văn Cao Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: La Văn Cao Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22YKE

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 1 / 2024

Phòng thi: ĐH 110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116022237	Lâm Nguyễn Tường Vy	13/03/2004	Nữ	9,8	6,3	8,1	009			
2	116022238	Nguyễn Lê Trúc Vy	28/05/2004	Nữ	9,5	7,5	8,5	010			
3	116022239	Nguyễn Y Như Ý	05/12/2004	Nữ	9,5	8,3	8,9	011			
4	116022240	Nguyễn Thị Hồng Yến	04/08/2003	Nữ	9,5	7,0	8,3	012			
5	116022265	Trần Đăng Thụy	25/01/2003	Nữ	9,3	6,3	7,8	013			
6	116022266	Hứa Thạch Hương Trà	17/10/2003	Nữ	9,8	7,8	8,8	014			
7	116022269	Thạch Thị Giang Trinh	25/04/2003	Nữ	9,5	6,8	8,2	015			
8	116022270	Huỳnh Hiếu Trung	30/10/2003	Nam	9,3	5,0	7,2	016			
9	116022272	Thạch Thị Mỹ Yến	21/10/2003	Nữ	9,5	5,5	7,5	017			
10	116022331	Nguyễn Đức Tài	15/02/2003	Nam	9,8	6,3	8,1	019			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10...

Tổng số tờ: 10...

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Giàu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

ĐT1.114

8/4

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22YHDP

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08/04/2024

Phòng thi: ĐT1.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118322001	Lê Văn Bình	09/09/2004	Nam	9,5	6,5	8,0	001			
2	118322013	Châu Hiếu Thi	22/05/2004	Nữ	9,3	7,0	8,2	002			
3	118322017	Trần Minh Tâm	19/09/2004	Nam	9,3	6,3	7,8	003			
4	118322018	Trần Chí Thiện	05/05/2004	Nam	9,5	8,0	8,8	004			
5	118322020	Trần Thị Cẩm Tiên	29/05/2004	Nữ	9,5	6,8	8,2	005			
6	118322021	Đặng Ngô Ngọc Trâm	01/07/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7	006			
7	118322022	Đinh Thị Huyền Trang	23/07/2004	Nữ	8,8	5,5	7,2	007			
8	118322025	Trần Minh Trí	13/11/1993	Nam	9,3	7,3	8,3	008			
9	118322026	Danh Thị Ngọc Trọn	12/11/2004	Nữ	9,3	6,3	7,8	009			
10	118322029	Võ Thị Kim Tuyền	20/01/2003	Nữ	9,5	7,5	8,5	010			
11	118322032	Ngô Thái Bảo	16/11/2004	Nam	9,3	6,5	7,9	011			
12	118322033	Hồ Quang Công	17/03/2001	Nam	8,5	5,3	6,9	012			
13	118322034	Phạm Minh Đạo	23/02/2004	Nam	8,8	5,5	7,2	013			
14	118322035	Trần Thành Đạt	02/05/2004	Nam	9,3	7,5	8,4	014			
15	118322040	Ngô Thị Văn Khanh	09/03/2004	Nữ	9,5	5,5	7,5	015			
16	118322041	Nguyễn Thị Minh Khánh	09/10/2004	Nữ	9,0	6,3	7,7	016			
17	118322046	Phan Thị Thanh Nhân	22/04/2004	Nữ	9,0	6,8	7,9	017			
18	118322047	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	19/07/2004	Nữ	9,3	5,8	7,6	018			
19	118322048	Thạch Thị Thanh Tâm	09/10/2004	Nữ	9,0	5,0	7,0	019			
20	118322049	Dương Trâm Thanh Thảo	06/09/2004	Nữ	9,0	6,0	7,5	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Phu Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22YHDP

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02/04/2024

Phòng thi: S111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118322050	Dương Hồng Thơ	13/09/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7	011	<u>15</u>		
2	118322059	Thiên Đồng Hoài Thu	11/09/2003	Nữ	9,0	7,0	8,0	012	<u>Chữ</u>		
3	118322062	Thạch Thị Minh Châu	25/03/2004	Nữ	9,0						
4	118322066	Lương Thiên Lộc	09/05/2004	Nam	9,3	5,8	7,6	015	<u>16</u>		
5	118322078	Phùng Thị Bảo Trân	27/07/2004	Nữ	9,3	7,8	8,6	016	<u>17</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22SNV

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 4 / 2024

Phòng thi: D.7.1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	113722003	Hà Hồng Duy	09/08/2004	Nữ	<u>9,3</u>	<u>8,5</u>	<u>8,9</u>	<u>001</u>	<u>Phu</u>		
2	113722004	Phan Huỳnh Ngọc Hiền	23/05/2004	Nữ	<u>9,3</u>	<u>6,3</u>	<u>7,8</u>	<u>002</u>	<u>Phu</u>		
3	113722014	Lê Xuân Nhi	31/05/2004	Nữ	<u>9,3</u>	<u>8,0</u>	<u>8,7</u>	<u>003</u>	<u>Xuân</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Cán bộ coi thi 1: Phan Thị Anh Duyên

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ kiểm tra: Ma

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

DTT 111

814

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22KT(CO-OP)

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08/04/2024

Phòng thi: DTT 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	111922020	Đoàn Thị Ngọc Trâm	03/01/2004	Nữ	9,3	6,0	7,7	001	<u>Đoàn Thị Ngọc Trâm</u>		
2	111922041	Phùng Thị Thùy Dương	18/04/2004	Nữ	9,0	5,5	7,3	002	<u>Phùng Thị Thùy Dương</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 80 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22LDS

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08/04/2024

Phòng thi: 171-111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	114122080	Nguyễn Thị Thúy Huyền	20/07/2004	Nữ	—	—	—	—	—	—	—

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22LTM

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08/4/2024

Phòng thi: DH 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	114122061	Võ Thị Xuân Yến	09/02/2004	Nữ	9,5	8,0	8,8	003			
2	114122081	Nguyễn Ngọc Mỹ Hy	12/11/2004	Nữ	9,3	5,8	7,6	005			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22NNAB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: *Đánh giá*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

Phòng thi: *ĐH 11*

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	110422035	Nguyễn Trần Hoài An	03/03/2004	Nam	<i>9,5</i>	<i>6,3</i>	<i>7,9</i>	<i>006</i>	<i>Phan Hữu Tài</i>		
2	110422050	Tăng Tấn Đạt	15/10/2004	Nam	<i>9,5</i>	<i>8,0</i>	<i>8,8</i>	<i>007</i>	<i>Phan Hữu Tài</i>		
3	110422063	Phan Tuấn Huy	02/04/2004	Nam	<i>9,3</i>	<i>4,8</i>	<i>7,1</i>	<i>008</i>	<i>Phan Hữu Tài</i>		
4	110422064	Triệu Khải Huy	18/05/2004	Nam	<i>9,3</i>	<i>5,3</i>	<i>7,3</i>	<i>009</i>	<i>Phan Hữu Tài</i>		
5	110422133	Huỳnh Kim Như	15/05/2004	Nữ	<i>9,8</i>	<i>8,3</i>	<i>9,1</i>	<i>017</i>	<i>Phan Hữu Tài</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: *05*

Tổng số sv, hs dự đánh giá: *05*

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *05*

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: *Phan Hữu Tài*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: *50*%; Điểm KT: *50*%

Trà Vinh, Ngày *09* tháng *4* năm *2024*

Cán bộ ghi điểm: *Phan Hữu Tài*

Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Thị Lành*

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22YKD

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 4 / 2024

Phòng thi: 1021 / 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116022163	Nguyễn Văn Sĩ	25/10/2004	Nam	<u>9.3</u>	<u>8.5</u>	<u>8.9</u>	<u>013</u>	<u>8</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (99 -)/DA22RHM

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08/04/2024

Phòng thi: ĐTL 11A

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116422024	Nguyễn Thanh Nguyên	21/09/2004	Nam	8.0	4.8	6.4	010	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: [Signature]

Cán bộ ghi điểm: [Signature]

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Nguyễn Thị Lành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐỔI LỊCH THI

Kính gửi: **Khoa Lý luận Chính trị**

Tôi tên: Nguyễn Thanh Nguyên; Năm sinh: 21/9/2004

Là sinh viên lớp (Mã lớp): DA22RHM MSSV: 116422024

Số điện thoại: 0938 523358

Nay, tôi làm đơn này gửi đến Khoa Lý luận Chính trị xin cho em đổi lịch thi môn Tư tưởng Hồ Chí Minh vào buổi tối ngày 19 tháng 4 năm 2024 sang buổi tối ngày 08/4/2024.

Giáo viên giảng dạy: Nguyễn Phi Công

Lớp học: Đại học Nhóm môn học: 99

Lý do: Đi du học trao đổi sinh viên giữa Việt Nam và Hoa Kỳ (từ 17/4/2024 đến 22/5/2024)

Kính mong khoa Lý luận Chính trị, xem xét giải quyết. Em chân thành cảm ơn./.

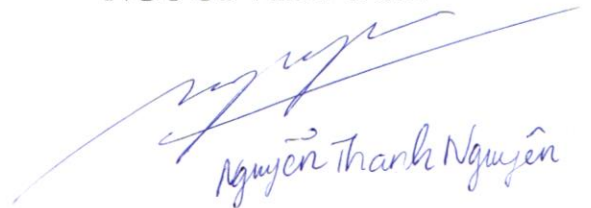
Trà Vinh, ngày 2 tháng 4 năm 2024

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

NGƯỜI VIẾT ĐƠN



Lê Thúy Hằng



Nguyễn Thanh Nguyên

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

D71 110

8/4

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA21QLTN

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 4 / 2024

Phòng thi: D71 110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	119121005	Đặng Thị Thanh Mỹ	05/07/2003	Nữ	8,8	6,0	7,4	001			7,4
2	119121006	Trương Thanh Thiên	18/05/2003	Nam	8,8	6,5	7,7	002			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Giàu

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Trần Văn Kha

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22KT

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 4 / 2024

Phòng thi: 7111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	111922004	Kim Thị Thúy Huỳnh	26/03/2003	Nữ	9,3	5,8	7,6	003			
2	111922010	Nguyễn Xuân Nhi	28/05/2004	Nữ	9,5	6,5	8,0	004			
3	111922015	Khuru Thị Ngọc Thảo	27/09/2004	Nữ	9,5	6,8	8,2	005			
4	111922048	Lâm Ngọc Hằng	19/07/2004	Nữ	9,8	7,3	8,6	006			
5	111922056	Nguyễn Trút Như Khương	18/10/2004	Nữ	9,5	6,3	7,9	007			
6	111922060	Nguyễn Thị Trúc Mai	08/11/2004	Nữ	9,5	5,3	7,4	008			
7	111922124	Châu Ngọc Bích	10/01/2004	Nữ	9,0	5,8	7,4	018			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Mal Võ Ngọc Giàu

Điểm QT: 30 %; Điểm KT: 30 %

Trà Vinh, Ngày 08 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Son Son Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: lacl

Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Cử triêng HCM
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA227KE
Sĩ số: 20

Ngày đánh giá: 08.1.04.2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: D71.109

116022229	116022231	116022223	116022218
116022235	116022230	116022222	116022217
116022234	116022228	116022221	116022216
116022233	116022227	116022220	116022215
116022232	116022226	116022219	116022214

CBCT 1: Paul Gua Phòng phưong lan
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tư tưởng HCM
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA22YKIE
Sĩ số: 20

Ngày đánh giá: 08/11/2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: 071.108

001	002	195	196
198	199	200	201
202	203	204	205
206	207	208	209
210	211	212	213

CBCT 1: Nguyễn Quốc Cường
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Nhóm/Lớp (ghi mã): M1 DA 22.XYHA
Sĩ số: 19

Ngày đánh giá: 08/1/2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: D71.12

006

018

026

005

014

021

028

003

013

020

026

002

011

019

029

001

007

018

023

CBCT 1:

Nguyễn Đình Hùng

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tủ. tổng. HCM.....

Nhóm/Lớp (ghi mã): DA21QILTN + DA22KT +

Sĩ số: DA22XE

Ngày đánh giá: 08 / 4 / 2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi: ĐTN 110.....

264

56

266

048

270

060

15

265

010

272

124

004

240

006

331

237

005

CBCT 1: Nhà Võ Ngọc Giàu ²³⁹

238

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Phân tích Hàm.....
Nhóm/Lớp (ghi mã): DALIK.....
Sĩ số:

Ngày đánh giá: 08/04/2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: DH 11.1.....

087

066

078

024

059

050

163

133

081

035

050

063

064

061

080

041

020

CBCT 1:

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày đánh giá: 08 / 11 / 2024

Nhóm/Lớp (ghi mã): 11... DA22XYHA; DA22SNV

Thời gian làm bài: 60 phút

Sĩ số: 18.....

Phòng thi: ĐTA.113.....

115322042

115322041

115322034

115322077

115322040

115322033

113722003

115322065

115322039

115322031

113722004

115322044

115322082

115322090

⇒ 113722014

115322079

115322037

115322028

CBCT 1: Trần Thị Anh Duyên

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: ..*Tư tưởng Hồ Chí Minh*..

Nhóm/Lớp (ghi mã): ..*DA.22.YHDP*..

Sĩ số:*20*.....

Ngày đánh giá: ..*08/04/2024*..

Thời gian làm bài: ..*60*..phút

Phòng thi: ..*D71.114*.....

<i>041</i>	<i>033</i>	<i>021</i>	<i>001</i>
<i>046</i>	<i>034</i>	<i>022</i>	<i>013</i>
<i>047</i>	<i>035</i>	<i>025</i>	<i>017</i>
<i>048</i>	<i>040</i>	<i>026</i>	<i>018</i>
<i>049</i>		<i>029</i>	<i>020</i>
		<i>032</i>	

CBCT 1:*Thư Nguyễn Anh Phi*.....

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN